

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 8 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	04
2. Tình hình xuất nhập khẩu	05
3. Diễn biến giá	09
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	12
1. Sản xuất	12
2. Xuất khẩu	12
3. Diễn biến giá	15
Phần III: Dự báo	16
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	17
Phụ lục	19

Viết tắt, giải nghĩa

APEDA: Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Nông nghiệp và Chế biến Ấn Độ

Bapanas: Cơ quan Lương thực Quốc gia Indonesia

BIRC: Hội nghị Gạo Quốc tế Bharat

BPI: Cục Công nghiệp Thực vật Philippines

BPS: Cục Thống kê Indonesia

CRF: Liên đoàn lúa gạo Campuchia

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc

FCI: Tổng công ty Lương thực Ấn Độ

IGC: Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế

IREF: Liên đoàn Các nhà Xuất khẩu Gạo Ấn Độ

ITC: Trung tâm Thương mại Quốc tế

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

REA: Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

VIETRISA: Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Mục lục

Viết tắt,
giải nghĩa

Tóm tắt

- Theo FAO, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026-2027 dự kiến giảm 1,9%, xuống 553,1 triệu tấn, do biên lợi nhuận của người sản xuất thu hẹp và thời tiết bất lợi liên quan đến El Niño. Trong khi đó, USDA dự báo sản lượng đạt 533,9 triệu tấn, giảm 3,4 triệu tấn so với dự báo trước và 2,2% so với niên vụ 2025-2026.
- Xuất khẩu gạo của Ấn Độ chỉ tăng 2,17% so với cùng kỳ, đạt 4,81 tỷ USD trong giai đoạn tháng 4-8 của niên vụ 2026-2027. Đây là mức tăng tương đối khiêm tốn đối với mặt hàng nông sản xuất khẩu lớn nhất của Ấn Độ, chưa đủ để bù đắp áp lực từ chi phí vận tải tăng cao và thời gian vận chuyển kéo dài.
- Bộ Thương mại Thái Lan cho biết xuất khẩu gạo của Thái Lan trong 7 tháng đầu năm đạt tổng cộng 3,9 triệu tấn, trị giá 2,27 tỷ USD, giảm 15,6% về khối lượng và giảm 21,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025.
- Theo số liệu của Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), nước này đã nhập khẩu 3,67 triệu tấn gạo trong 8 tháng đầu năm, tăng 24,4% so với cùng kỳ và vượt hơn 8% so với tổng lượng gạo nhập khẩu ở mức 3,39 triệu tấn của cả năm ngoái.
- Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đạt bình quân 109 điểm trong tháng 8, tăng 0,5% so với tháng trước và cao hơn 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Số liệu từ Cục Hải quan, xuất khẩu gạo Việt Nam trong 8 tháng đầu năm đạt 6,03 triệu tấn, trị giá 2,9 tỷ USD, giảm 5,1% về lượng và giảm 10,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu suy giảm từ một số thị trường chủ lực, đặc biệt là Philippines.
- Trên thị trường nội địa, giá lúa gạo quay đầu giảm sau 4 tháng tăng liên tiếp. Trong tháng 8, giá lúa thơm tại ruộng giảm 7,8% xuống 6.232 đồng/kg, lúa thường giảm 4,4% xuống 6.064 đồng/kg. Giá các loại gạo xuất khẩu cũng giảm 3,6–3,7%, còn 10.257–10.779 đồng/kg.
- Dù nguồn cung gạo toàn cầu vẫn tiềm ẩn rủi ro do tác động của El Niño, xuất khẩu gạo Việt Nam trong ngắn hạn được dự báo chịu áp lực khi nhu cầu từ hai thị trường chủ lực là Philippines và Trung Quốc có dấu hiệu chậm lại.



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



Trong các báo cáo mới nhất, FAO và USDA đều dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2026-2027 sẽ giảm so với niên vụ trước, chủ yếu do biên lợi nhuận của người sản xuất thu hẹp và tác động bất lợi của thời tiết liên quan đến El Niño. Trong bối cảnh nguồn cung có xu hướng giảm, chỉ số giá gạo toàn cầu trong tháng 8 tiếp tục tăng 0,5% so với tháng trước và cao hơn 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

1 Sản xuất - Tiêu thụ



FAO: Theo FAO, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026-2027 dự kiến giảm 1,9% xuống 553,1 triệu tấn, chủ yếu do biên lợi nhuận của người sản xuất giảm và thời tiết bất lợi liên quan đến El Niño. Tuy nhiên, thị trường toàn cầu vẫn được đánh giá tương đối dồi dào với tổng nguồn cung dự kiến đạt 774,3 triệu tấn, mức sử dụng 559 triệu tấn và tồn kho cuối kỳ 215,1 triệu tấn, tương đương tỷ lệ tồn kho/sử dụng 38%.

Thương mại gạo thế giới năm 2027 dự báo đạt 61,2 triệu tấn, trong khi thương mại năm 2026 khoảng 60,5 triệu tấn, thấp hơn mức kỷ lục năm 2025 do nhu cầu nhập khẩu yếu hơn tại một số khu vực châu Á và châu Phi.



USDA: Trong báo cáo được công bố vào đầu tháng 9, Bộ nông nghiệp Mỹ (USDA) cho biết sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2026-2027 dự báo đạt 533,9 triệu tấn, giảm 3,4 triệu tấn so với dự báo trước và giảm khoảng 2,2%, tương ứng 11,7 triệu tấn so với niên vụ 2025-2026.

Trong tháng này, dự báo sản lượng gạo niên vụ 2026-2027 của Ấn Độ được USDA điều chỉnh giảm 3 triệu tấn, xuống 147 triệu tấn, do diện tích thu hoạch và năng suất giảm. Đây sẽ là lần đầu tiên sản lượng gạo của Ấn Độ giảm so với năm trước kể từ niên vụ 2015-2016.

Sản lượng gạo vụ mới của Bangladesh trong tháng này cũng được điều chỉnh giảm 1%, xuống 36,9 triệu tấn (quy xay xát), do diện tích thu hoạch giảm.

Ngược lại, sau khi Chính phủ Sri Lanka công bố số liệu chính thức, sản lượng gạo niên vụ 2025-2026 của nước này được điều chỉnh tăng lên mức kỷ lục 3,7 triệu tấn (quy xay xát). Cả diện tích thu hoạch và năng suất, trong đó năng suất tăng 10%, đều được điều chỉnh tăng.

Về phía nhu cầu, USDA dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2026-2027 sẽ ở mức 539,6 triệu tấn, giảm 3,2 triệu tấn so với dự báo trước, nhưng vẫn tăng 1 triệu tấn so với niên vụ 2025-2026 và đánh dấu mức cao kỷ lục mới.

Nhu cầu tiêu thụ gạo nội địa của Ấn Độ trong niên vụ mới được USDA cắt giảm hơn 2%



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

(3 triệu tấn) trong tháng này so với báo cáo trước, xuống còn 125 triệu tấn. Tuy nhiên, tiêu thụ gạo của Ấn Độ vẫn được dự báo ở mức kỷ lục và cao hơn khoảng 4,5 triệu tấn so với kỷ lục trước đó được thiết lập trong niên vụ 2024-2025.

Về thương mại, xuất khẩu gạo toàn cầu trong năm dương lịch 2027 được dự báo ở mức 62,7 triệu tấn, giảm nhẹ 160.000 tấn so với dự báo trước, nhưng vẫn tăng 2 triệu tấn so với năm trước.

Campuchia là quốc gia có mức điều chỉnh giảm lớn nhất, với dự báo xuất khẩu được hạ 200.000 tấn so với dự báo trước, xuống 3,6 triệu tấn. Tốc độ bán hàng sang Việt Nam trong niên vụ 2025-2026 chậm được dự báo sẽ tiếp diễn, bất chấp khối lượng gạo xay xát xuất khẩu sang các thị trường khác vẫn ở mức cao.

Bên cạnh đó, xuất khẩu gạo của Ấn Độ được điều chỉnh giảm 500.000 tấn do tốc độ xuất khẩu sang các thị trường chủ chốt, đặc biệt là Iraq và Iran, chậm hơn dự kiến.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Xuất khẩu gạo của Ấn Độ chỉ tăng 2,17% so với cùng kỳ, đạt 4,81 tỷ USD trong giai đoạn tháng 4-8 của niên vụ 2026-2027. Đây là mức tăng tương đối khiêm tốn đối với một mặt hàng vẫn là nông sản xuất khẩu lớn nhất của Ấn Độ, theo Financial Express.

Cũng theo báo cáo, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 8 đạt 910 triệu USD, tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, nhưng mức tăng này chưa đủ để bù đắp áp lực từ chi phí vận tải tăng cao và thời gian vận chuyển kéo dài.

Áp lực trước mắt tập trung tại Trung Đông, khi xung đột và lo ngại an ninh làm gián đoạn hoạt động tại nhiều cảng, buộc các nhà xuất khẩu phải chuyển hàng qua những tuyến thay thế dài và tốn kém hơn. Bất ổn quanh eo biển Hormuz và hành lang Bab el-Mandeb cũng khiến nhiều lô gạo, rau quả được chuyển hướng qua các cảng của Oman và UAE.

Việc thay đổi tuyến giúp duy trì dòng chảy hàng hóa nhưng làm chi phí vận tải và bảo hiểm tăng mạnh. Với một số điểm đến Trung Đông, cước vận tải được cho là đã tăng gần 1.000-3.000%, gây sức ép lớn lên biên lợi nhuận của các nhà xuất khẩu Ấn Độ.

Trong khi đó, các nhà nhập khẩu Trung Đông như Saudi Arabia và UAE đang chuyển sang mua hàng theo nhu cầu ngắn hạn thay vì đặt các đơn hàng lớn trước nhiều tháng. Điều này giúp hạn chế rủi ro tồn kho nhưng khiến các nhà xuất khẩu khó dự báo sản lượng và kế hoạch vận chuyển, khiến dòng chảy thương mại chậm và tốn kém hơn.

Bất chấp những trở ngại hiện nay, Ấn Độ vẫn là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 45% thương mại gạo toàn cầu trong thập kỷ qua. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo xuất khẩu gạo của Ấn Độ đạt 23 triệu tấn trong niên vụ 2025-2026, so với 22,83 triệu tấn của năm trước.

Dự báo này cho thấy Ấn Độ vẫn sẽ là một nhà cung cấp chủ chốt xét về khối lượng, ngay cả khi giá trị xuất khẩu chịu sức ép từ chi phí logistics và tâm lý thận trọng của thị trường.

Tuy nhiên, diễn biến về giá trị xuất khẩu trong tài khóa 2025-2026 cho thấy ngành gạo Ấn Độ không miễn nhiễm trước các cú sốc bên ngoài. Theo báo cáo, tổng giá trị xuất khẩu gạo, bao gồm cả basmati và non-basmati, giảm 7,5% so với cùng kỳ xuống 11,53 tỷ USD trong năm tài khóa 2026.

Trong một ngành có biên lợi nhuận thường khá mỏng, mức sụt giảm này cho thấy chi phí vận tải và an ninh có thể nhanh chóng bào mòn lợi nhuận như thế nào.

 **Thái Lan:** Theo Bộ Thương mại Thái Lan xuất khẩu gạo của Thái Lan trong 7 tháng đầu năm đạt tổng cộng 3,9 triệu tấn, trị giá 72,05 tỷ Baht (tương ứng 2,27 tỷ USD), giảm 15,6% về khối lượng và giảm 21,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025.

Ông Chukiart Opaswong, Chủ tịch danh dự Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan, cho rằng tình hình thương mại toàn cầu đang trở nên bất ổn hơn và ông lo ngại rằng Thái Lan có thể mất vị thế là nước xuất khẩu gạo hàng đầu, đặc biệt là do sự cạnh tranh xuất khẩu gạo mạnh mẽ từ các nước ASEAN khác.

Các yếu tố khiến Thái Lan khó cạnh tranh hơn bao gồm: Gạo Thái Lan đắt hơn gạo các nước khác; Sự xuất hiện của các đối thủ cạnh tranh mới; Các loại gạo Thái Lan không khác biệt đáng kể so với các nước khác; và tình hình kinh tế toàn cầu khiến các nhà nhập khẩu ưu tiên giá cả hơn tất cả các yếu tố khác.

Do đó, nếu Thái Lan có thể duy trì sản lượng xuất khẩu gạo bình quân hàng tháng là 570.000 tấn trong thời gian còn lại của năm, từ tổng số 4,6 triệu tấn từ tháng 1 đến ngày 25/8, thì tổng sản lượng sẽ đạt 6,9 triệu tấn vào năm 2026, gần với mục tiêu 7 triệu tấn.

Ấn Độ hiện vẫn là thị trường gạo hàng đầu thế giới, trong khi thị phần của Thái Lan đang tiến gần đến Việt Nam.

Ông Chukiart đã dẫn chứng ví dụ về các cuộc đàm phán bán gạo giữa chính phủ Thái Lan với Trung Quốc, cụ thể là thương vụ bán 60.000 tấn gạo trắng 5% tấm cho một doanh

nh nghiệp nhà nước Trung Quốc (COFCO). Ông tin rằng việc bán với giá vượt quá 450 USD/tấn sẽ rất khó khăn. Ông lưu ý rằng trước đây Trung Quốc đã nhập khẩu từ Pakistan với giá trung bình 410 USD/tấn, dẫn đến việc Thái Lan chỉ xuất khẩu 170.000 tấn sang Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm nay. Trong số này, 40.000 tấn là thương vụ G2G đầu tiên, phần còn lại được bán trực tiếp bởi các công ty tư nhân. Điều này thể hiện mức giảm 58% so với năm trước.

Ông cũng đề cập rằng nhiều quốc gia hiện đang nhập khẩu gạo thơm từ Campuchia do giá cả thấp hơn đáng kể. Trước đây, gạo thơm Campuchia (Phka Mali) được bán với giá thấp hơn gạo thơm Thái Lan từ 50-80 USD; hiện nay chênh lệch là 400 USD. Hiện tại, giá gạo thơm Thái Lan là 1.150 USD/tấn, trong khi gạo thơm Campuchia chỉ có giá 820 USD/tấn. Họ cũng nhận thấy chất lượng tương đương, và Campuchia đã phát triển các công nghệ xay xát gạo hiện đại hơn.

Ông Chukiart cho biết, tuy nhiên, vẫn còn những yếu tố hỗ trợ xuất khẩu gạo Thái Lan, xuất phát từ những lo ngại và lượng dự trữ gạo tăng lên ở các nước nhập khẩu chính như Philippines và Malaysia. Các nước này tiếp tục mua gạo Thái Lan và đã đặt hàng trước đến năm 2027 do lo ngại về tác động của hiện tượng Siêu El Niño. Hơn nữa, các nước sản xuất phải đối mặt với chi phí gạo trong nước cao hơn so với các đơn đặt hàng trước, dẫn đến lo ngại về thua lỗ và chậm giao hàng.

Trong khi đó, Thái Lan chưa từng gặp vấn đề về chất lượng hay giao hàng. Do đó, mặc dù gạo Thái Lan đắt hơn gạo của các nước khác, các nước nhập khẩu vẫn sẵn sàng trả giá cao hơn để đảm bảo giao hàng đúng hạn, nhờ đó không ảnh hưởng đến lượng dự trữ trong nước của họ.



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

“Trong kỳ nghỉ Giáng sinh và Năm mới, nhiều quốc gia sẽ tăng lượng dự trữ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cao hơn bình thường, và do đó sẽ bắt đầu đàm phán nhập khẩu trong 1-2 tháng tới, đặc biệt là từ Trung Đông, như Iraq, Iran hoặc Nam Phi. Trong khi đó, thị trường Mỹ và châu Âu vẫn đang xem xét mức giá thấp hơn so với Thái Lan. Đây cũng là thời điểm các nước xuất khẩu đang gấp rút tìm kiếm đơn đặt hàng, khiến giai đoạn trước kỳ nghỉ Tết Dương lịch trở nên cạnh tranh gay gắt”, ông Chukiart cho biết.



Campuchia: Dữ liệu của Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF) cho biết, trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu gạo xay xát của Campuchia đạt 792.212 tấn, tăng mạnh 67,5% so với mức 472.803 tấn của cùng kỳ năm 2025. Tương ứng kim ngạch xuất khẩu đạt 464 triệu USD, tăng 33% so với mức 348 triệu USD ghi nhận trong cùng kỳ năm trước.

Về thị trường, Liên minh châu Âu (EU) nhập khẩu 232.319 tấn, chiếm 29,3% tổng lượng gạo xay xát xuất khẩu của Campuchia. Trung Quốc và các đặc khu hành chính đạt 177.783 tấn, tương đương 22,4%.

Trong khi đó, 315.088 tấn được xuất khẩu sang 5 quốc gia thành viên ASEAN, còn lại 67.022 tấn được vận chuyển đến 25 thị trường tại châu Phi, Trung Đông và các khu vực khác.

Đáng chú ý, Campuchia đã xuất khẩu 122.102 tấn gạo sang Philippines trong 8 tháng đầu năm 2026, chiếm hơn 15,4% trong tổng lượng gạo xuất khẩu của nước này. Đồng thời con số trên cao hơn 34 lần lượng gạo Campuchia xuất khẩu sang Philippines trong cả năm 2025.

Nếu tính thêm cả 87.344 tấn gạo đã được ký hợp đồng để xuất khẩu sang Philippines trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 12. Nếu thực hiện theo kế hoạch, tổng lượng gạo Campuchia xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2026 sẽ đạt khoảng 209.446 tấn, chiếm khoảng 20% tổng lượng xuất khẩu gạo dự kiến hơn 1 triệu tấn của Campuchia trong năm nay.

Đà tăng trưởng này xuất phát từ nhu cầu đối với gạo Campuchia, đặc biệt là chất lượng gạo, trong bối cảnh Philippines đang tìm cách củng cố an ninh lương thực. Bên cạnh đó, việc triển khai chuyển tàu chở hàng rời 10.000 tấn để xuất khẩu trực tiếp gạo từ Campuchia sang Philippines đang mở ra một phương thức logistics mới cho ngành.

Ngoài gạo xay xát, trong 8 tháng đầu năm, Campuchia cũng thu về 753 triệu USD từ xuất khẩu 3,35 triệu tấn lúa sang Việt Nam.



Myanmar: Theo Liên đoàn Lúa gạo Myanmar (MRF), nước này đã xuất khẩu 148.548 tấn gạo và gạo tấm trong tháng 8/2026, giảm 41.000 tấn so với con số 190.000 tấn gạo của cùng kỳ năm ngoái.

Philippines là thị trường nhập khẩu lớn nhất, với 106.512 tấn gạo được nhập khẩu từ Myanmar trong tháng 8. Gạo Myanmar cũng được xuất khẩu sang Trung Quốc, Bỉ, Ba Lan, Bulgaria, Tây Ban Nha, Hà Lan, Cộng hòa Czech, Mỹ, Lithuania và 11 quốc gia khác.

Mặc dù giảm trong tháng vừa qua nhưng lũy kế xuất khẩu trong giai đoạn tháng 4-8 của năm tài chính này vẫn cao hơn cùng kỳ năm trước. MRF cho biết, trong 5 tháng đầu của năm tài chính 2026-2027, tổng lượng gạo và gạo tấm xuất khẩu của Myanmar đạt 848.278 tấn, mang về 291 triệu USD doanh thu.



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

b. Nhập khẩu



Philippines: Theo số liệu của Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), nước này đã nhập khẩu 3,67 triệu tấn gạo trong 8 tháng đầu năm, tăng 24,4% so với cùng kỳ và vượt hơn 8% so với tổng lượng gạo nhập khẩu ở mức 3,39 triệu tấn của cả năm ngoái.

Nguyên nhân chủ yếu do hoạt động mua gạo từ nước ngoài được đẩy mạnh nhằm bổ sung hàng tồn kho trước những tác động của hiện tượng El Niño.

Tính đến ngày 3/9, Việt Nam vẫn là nguồn cung gạo lớn nhất của Philippines, với 2,65 triệu tấn, chiếm 72% tổng lượng nhập khẩu. Tuy nhiên, tỷ trọng này đã giảm đáng kể so với mức 81,5% của cả năm 2025. Ngược lại, Philippines gia tăng nhập khẩu gạo từ Thái Lan (435.002 tấn), Myanmar (325.666 tấn), Pakistan (152.128 tấn) và Campuchia (96.715 tấn).

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) cho biết lượng gạo nhập khẩu trong năm nay đang trên đà vượt mức kỷ lục 4,81 triệu tấn được ghi nhận vào năm 2024, thời điểm Philippines cũng phải đối mặt với một đợt El Niño mạnh. Dự báo ban đầu có thể vào khoảng 5 triệu tấn, nhưng có lẽ sẽ không vượt quá 5 triệu tấn.

Nhập khẩu gạo được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm nay khi Chính phủ tìm cách bảo đảm lượng dự trữ đủ lớn nhằm ứng phó với hiện tượng El Niño sắp tới. Theo DA, El Niño có thể khiến sản lượng lúa gạo nội địa của Philippines giảm khoảng 700.000 tấn trong năm nay.

Tuy nhiên, tác động của điều kiện thời tiết bất lợi được dự báo sẽ rõ rệt hơn đối với sản xuất lúa gạo trong vụ mùa khô vào đầu năm tới.

“Trong năm nay, chúng tôi chưa thấy tác động của hiện tượng El Niño đến nguồn cung tổng thể. Tác động tiềm tàng sẽ xuất hiện vào nửa đầu năm sau. Vì vậy, năm 2027 sẽ là năm khó khăn hơn so với năm 2026”, một quan chức của Bộ Nông nghiệp cho biết.

Trong khi đó, theo Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), tồn kho gạo của nước này trong tháng 8 giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống gần 2,2 triệu tấn, do lượng gạo dự trữ tại các hộ gia đình và Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) cùng sụt giảm. Tính theo tháng, lượng gạo tồn kho mới nhất cũng giảm 13,3% so với mức 2,51 triệu tấn được ghi nhận trong tháng 7.



Indonesia: Sản lượng gạo của Indonesia trong giai đoạn tháng

1–10/2026 dự kiến nhìn chung không thay đổi so với năm trước, trong đó sản lượng từ tháng 1–9 dành cho tiêu dùng thực phẩm được dự báo đạt 28,71 triệu tấn. Mặc dù sản xuất khởi đầu khá thuận lợi, thời tiết vẫn là yếu tố rủi ro chính, đặc biệt là điều kiện khô hạn liên quan đến El Niño có thể làm giảm nguồn nước. Bất chấp những rủi ro này, Indonesia hiện chưa có kế hoạch nhập khẩu gạo trong năm 2026, nhờ sản lượng trong nước và lượng dự trữ của Chính phủ ở mức đủ, đạt khoảng 5,17 triệu tấn tính đến ngày 21/8. Nhìn chung, trọng tâm tự chủ lương thực và lượng dự trữ lớn nhiều khả năng sẽ giữ nhập khẩu gạo của Indonesia ở mức hạn chế, trừ khi điều kiện thời tiết xấu đi đáng kể.

Indonesia đang quay trở lại thị trường gạo quốc tế với thỏa thuận ban đầu xuất khẩu 1.000 tấn gạo chất lượng cao sang Malaysia, với khả năng tăng lên 200.000 tấn/năm. Động thái này diễn ra trong bối cảnh sản lượng gạo Indonesia năm 2026 dự kiến đạt khoảng 38,6 triệu tấn, trong khi dự trữ quốc gia tăng lên khoảng 5,2 triệu tấn, tạo điều kiện để Chính



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

phủ xuất khẩu mà không ảnh hưởng đến an ninh lương thực trong nước.

 **Bangladesh:** Chi phí nhập khẩu gạo của Bangladesh đã giảm 22,5% xuống còn 528,9 triệu USD trong năm tài chính 2025-26, phản ánh sản lượng gạo trong nước tăng và sự phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài giảm. Sản lượng trong nước cao hơn đã cải thiện nguồn cung và cho phép Bangladesh đáp ứng phần lớn hơn nhu cầu tiêu dùng từ nguồn sản xuất nội địa, qua đó hạn chế nhu cầu mua một lượng lớn gạo từ nước ngoài của Chính phủ và khu vực tư nhân.

Nếu sản lượng và nguồn cung trong nước tiếp tục ở mức dồi dào, nhu cầu nhập khẩu của Bangladesh nhiều khả năng sẽ tiếp tục tương đối thấp, qua đó có thể làm giảm vai trò của nước này với tư cách là một khách hàng trên thị trường gạo quốc tế so với những giai đoạn sản xuất trong nước hạn chế hoặc giá gạo nội địa tăng cao. Mức sụt giảm nhập khẩu này cho thấy vai trò quan trọng của sản lượng gạo trong nước trong việc quyết định nhu cầu nhập khẩu của Bangladesh cũng như ảnh hưởng của nước này đối với thương mại gạo khu vực.

 **Trung Quốc:** Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, trong 7 tháng đầu năm, nước này đã nhập khẩu 2,7 triệu tấn gạo, tăng 56% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, Việt Nam tiếp tục là nguồn cung lớn nhất, với 941.311 tấn, tăng 98%, chiếm 34,8% thị phần. Myanmar đứng thứ hai với 578.666 tấn, tăng 34,2%, chiếm 21,4% thị phần.

Trong khi đó, lượng gạo nhập khẩu từ Ấn Độ và Pakistan lần lượt đạt 474.159 tấn và 360.888 tấn, tăng mạnh 122,4% và 265,6%. Ngược lại, nhập khẩu gạo từ Thái Lan giảm 56,2%, xuống còn 181.270 tấn.

Mặc dù vậy, nhập khẩu gạo của Trung Quốc đang có dấu hiệu chậm lại do giá gạo thế giới có xu hướng tăng. Tính riêng trong tháng 7, nhập khẩu gạo của Trung Quốc đạt 290.276 tấn, giảm 34,7% so với tháng trước, đây cũng là mức thấp nhất ghi nhận được trong 5 tháng qua.

3 Diễn biến giá

Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đạt bình quân 109 điểm trong tháng 8, tăng 0,5% so với tháng trước và cao hơn 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đà tăng này được hỗ trợ bởi chỉ số giá gạo Indica tăng 1,2% so với tháng trước, trong khi các chỉ số gạo Japonica và gạo thơm lần lượt giảm 2,7% và 1,3%. Chỉ số giá gạo nếp gần như không thay đổi.

Tại các thị trường gạo Indica ở châu Á, mức tăng giá mạnh nhất được ghi nhận tại Việt Nam do được hỗ trợ bởi hoạt động thu hoạch vụ Hè Thu sớm bị trì hoãn, chi phí sản xuất tăng, sản lượng trong nước và lượng gạo nhập khẩu từ Campuchia giảm.

Tại Ấn Độ, giá gạo tiếp tục được hỗ trợ bởi tốc độ bán hàng mạnh, đặc biệt đối với gạo đỏ. Còn tại Thái Lan, giá tăng chủ yếu do đồng baht tăng giá so với đồng USD. Riêng tại Pakistan, giá giảm trước thời điểm vụ mùa mới bắt đầu được đưa ra thị trường, do nhu cầu không ổn định và nguồn cung từ vụ thu hoạch mới gia tăng.

Theo FAO, nhu cầu tại châu Á tiếp tục không ổn định và chủ yếu tập trung ở các nước mua hàng thuộc Đông Nam Á, đặc biệt là Malaysia và Philippines (**Bảng 1**).

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 6 đến tháng 8/2026
Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)			% thay đổi của tháng 6/2026 so với		
		6/2026	7/2026	8/2026	7/2026	Cuối 2025	Cùng kỳ 2025
Ấn Độ	Basmati	1.050	1.050	1.050	0,0	▲ 13,5	▲ 13,5
	Trắng 25% tấm	330	341	347	▲ 1,7	▲ 4,1	▼ 4,0
	Trắng 5% tấm	347	358	362	▲ 1,1	▲ 4,1	▼ 4,0
	Gạo đỏ 5% tấm	339	357	371	▲ 4,0	▲ 4,5	▲ 0,9
Pakistan	Basmati	1.140	1.132	1.118	▼ 1,3	▲ 13,5	▲ 5,0
	Trắng 25% tấm	359	379	375	▼ 1,0	▲ 13,9	▲ 10,3
	Trắng 5% tấm	394	409	401	▼ 1,9	▲ 13,1	▲ 11,1
Thái Lan	Trắng 100% tấm	500	473	477	▲ 0,9	▲ 8,5	▲ 21,4
	Trắng 25% tấm	479	453	447	▼ 1,2	▲ 8,0	▲ 22,2
	A1 Super	427	408	372	▼ 8,8	▼ 2,3	▲ 14,5
	Hom Mali	1.231	1.203	1.183	▼ 1,7	▲ 1,0	▲ 8,8
	Nếp 10% tấm	834	799	833	▲ 4,2	▼ 9,6	▲ 8,1
	Đỏ 100% tấm	507	478	485	▲ 1,4	▲ 10,9	▲ 23,6
Việt Nam	Trắng 25% tấm	385	389	418	▲ 7,5	▲ 23,5	▲ 14,9
	Trắng 5% tấm	412	425	441	▲ 3,8	▲ 22,2	▲ 13,5
	Thơm 5% tấm	494	507	492	▼ 3,0	▲ 14,1	▲ 3,4
Campuchia	Thơm 5% tấm	848					
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	916	916	910	▼ 0,7	▲ 1,9	▲ 13,7
	Calrose 4% tấm	533	528	573	▲ 8,6	▲ 2,2	▼ 7,0
Argentina	Trắng 5% tấm	448	453	455	▲ 0,4	▲ 4,2	▼ 8,0
Brazil	Trắng 5% tấm	514	515	542	▲ 5,1	▲ 19,6	▲ 6,1
Uruguay	Trắng 5% tấm	520	519	541	▲ 4,3	▲ 15,9	▲ 7,0

Trong nửa đầu tháng 9, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ tăng lên mức cao nhất trong hơn một năm do lượng mưa thấp hơn mức trung bình làm gia tăng lo ngại về sản lượng. Trong khi đó, giá gạo Thái Lan và Việt Nam cũng tăng nhẹ.

Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào ở mức 375-381 USD/tấn tính đến ngày 15/9, cao nhất kể từ tháng 7/2025 và tăng 10 USD/tấn so với mức 366-371 USD/tấn ghi nhận được vào cuối tháng 8. Tương tự, gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ cũng tăng 10 USD/tấn, được chào giá ở mức 372-377 USD/tấn.

Thông tin với Reuters, một thương nhân tại New Delhi cho biết giá lúa tại thị trường nội địa tăng do một số thương nhân dự đoán sản lượng sẽ giảm. Điều này cũng đang đẩy giá gạo xuất khẩu tăng theo.

Theo các quan chức trong ngành, sản lượng gạo của Ấn Độ dự kiến giảm trong năm nay, lần đầu tiên sau một thập kỷ và giảm mạnh nhất trong gần 20 năm. Nguyên nhân chủ yếu là do lượng mưa thấp hơn bình thường trong giai đoạn lúa chín, đe dọa làm giảm năng suất.

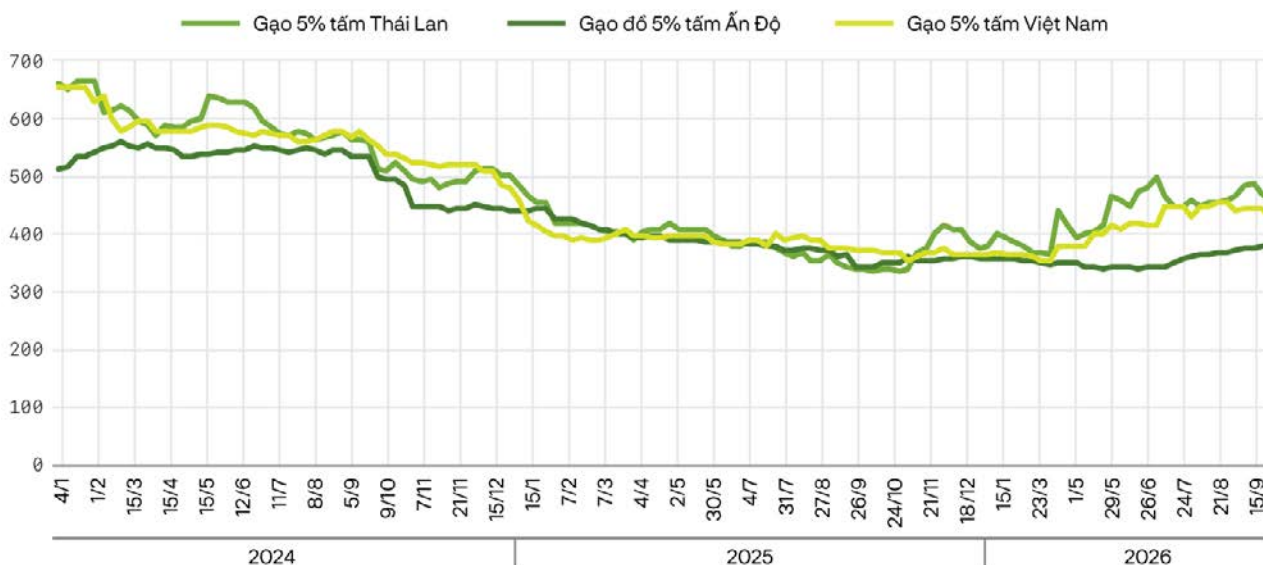
Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm giảm xuống 470 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với cuối tháng trước. Theo các thương nhân, nhu cầu yếu hơn do các nhà nhập khẩu đã chuyển sang mua gạo từ những nguồn cung khác. Thời tiết thuận lợi tại các vùng trồng lúa phía Bắc và Đông Bắc Thái Lan là tín hiệu tích cực đối với vụ lúa trái mùa, dự kiến thu hoạch vào đầu năm tới.

Tại Việt Nam, giá gạo 5% tấm được chào ở mức 440-445 USD/tấn vào ngày 17/9, tăng nhẹ 3 USD/tấn so với cuối tháng trước.

Một thương nhân tại TP.HCM cho biết hoạt động thu hoạch lúa Hè Thu đã kết thúc nên nguồn cung đang cạn dần. Trong khi đó, nhu cầu cũng khá yếu, khiến giá duy trì ổn định trong những tuần qua. Mặc dù Philippines vẫn đang mua hàng, nhưng nhu cầu đối với gạo Việt Nam nhìn chung vẫn ở mức thấp (**Biểu đồ 1**). ■

Biểu đồ 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2024 đến ngày 15/9/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Trong bối cảnh nhu cầu từ hai thị trường chủ lực là Philippines và Trung Quốc suy yếu, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 8 tiếp tục giảm tháng thứ hai liên tiếp so với cùng kỳ năm ngoái. Xu hướng này cũng gây áp lực lên giá thu mua lúa gạo trong nước.

1 Sản xuất

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tính đến ngày 31/8/2026, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,738 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 1,045 triệu ha với năng suất khoảng 59,88 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,26 triệu tấn lúa. Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 382 nghìn ha/764 nghìn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 50%, đã bắt đầu thu hoạch được khoảng 3 nghìn ha, với năng suất ước 63,04 tạ/ha, sản lượng 20 nghìn tấn lúa.

2 Xuất khẩu

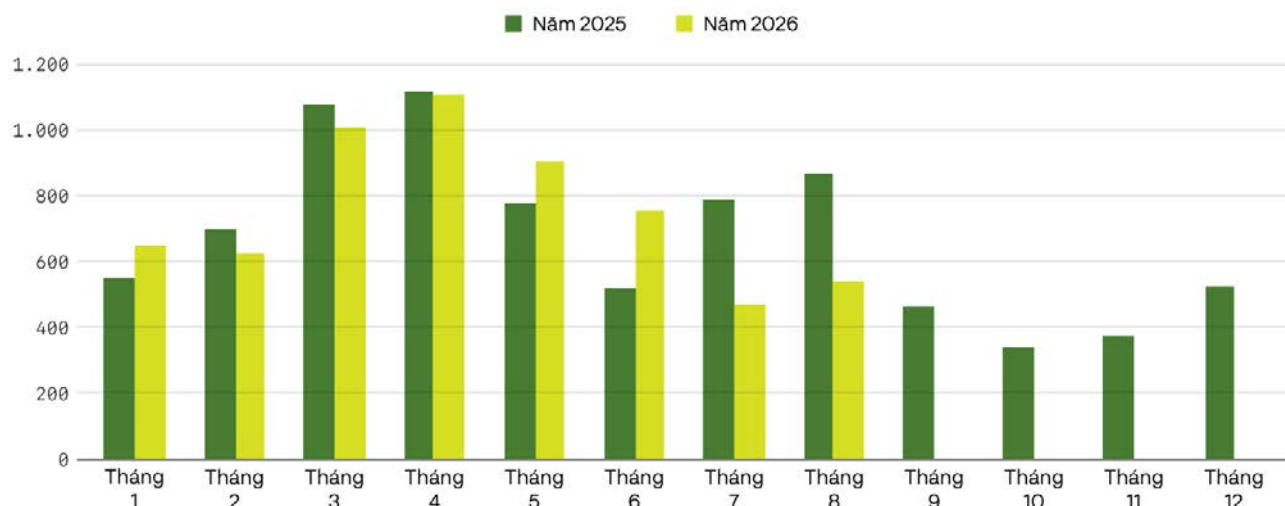
Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 8 đạt 538.856 tấn, trị giá 279,6 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 16% về trị giá so với tháng trước, nhưng tiếp tục giảm mạnh 36,7% về lượng và giảm 34,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Với kết quả này, lũy kế 8 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo Việt Nam đạt 6,03 triệu tấn, trị giá 2,9 tỷ USD, giảm 5,1% về lượng và giảm 10,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025 **(Biểu đồ 2)**.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam liên tục sụt giảm trong thời gian gần đây, chủ yếu do nhu cầu từ một số thị trường lớn suy yếu. Trong 8 tháng đầu năm 2026, Philippin tiếp tục giữ vị trí thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm gần 44% khối lượng với 2,6 triệu tấn, trị giá 1,19 tỷ USD, giảm 9% về lượng và 16,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

Biểu đồ 2: Xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



Riêng trong tháng 8, xuất khẩu gạo sang thị trường Philippin chỉ đạt 110.739 tấn, trị giá 54,6 triệu USD, giảm 25,1% về lượng và 20,7% về trị giá so với tháng trước; đồng thời giảm tới 76,7% về lượng và 76,2% về trị giá so với cùng kỳ tháng 8/2025.

Đáng chú ý, Philippines hiện đang hạn chế cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPSIC) đối với các lô hàng gạo nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam và Myanmar. Động thái này diễn ra khi Philippines bước vào cao điểm vụ thu hoạch lúa trong nước trong tháng 10-11, trong bối cảnh chính phủ nước này tìm cách kéo giảm giá gạo. Việc cấp SPSIC dự kiến có thể được nối lại vào khoảng giữa tháng 11, qua đó có khả năng tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu gạo từ Việt Nam trong thời gian tới.

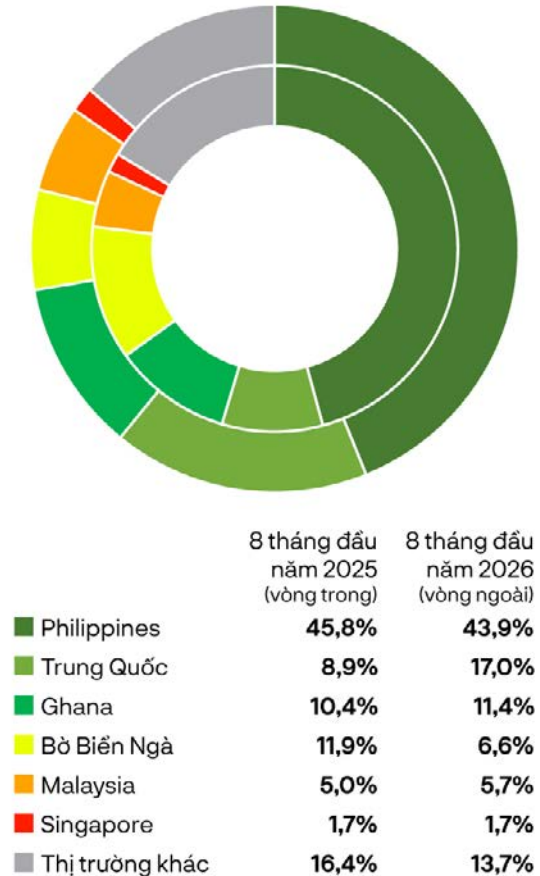
Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc, thị trường lớn thứ hai, cũng có dấu hiệu chậm lại trong tháng 8/2026, đạt 48.896 tấn, giảm 21,4% so với tháng trước và 28,5% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc vẫn tăng mạnh 81,7% về lượng và 76% về trị giá, đạt 1,03 triệu tấn, trị giá 504,7 triệu USD. Mức tăng này đưa Trung Quốc trở thành một trong những thị trường có tốc độ mở rộng đáng kể nhất trong nhóm các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (**Biểu đồ 3**).

Ở chiều tích cực, xuất khẩu gạo sang Ghana và Malaysia trong tháng 8 tăng lần lượt 76,3% và 146,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 8 tháng, lượng gạo xuất khẩu sang hai thị trường này đạt lần lượt 686.203 tấn và

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 8 tháng/2025 và 8 tháng/2026

Đơn vị: % theo khối lượng.

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



345.733 tấn, tăng 3,6% và 8,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Đáng chú ý, Iraq ghi nhận mức tăng trưởng đột biến trong 8 tháng đầu năm 2026, với khối lượng xuất khẩu đạt 25.300 tấn, gấp khoảng 150 lần, tương đương tăng 14.870% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, xuất khẩu sang một số thị trường chủ lực giảm đáng kể, trong đó Bờ Biển Ngà giảm 46,9%, Singapore giảm 7,5%, Mozambique giảm 18,8% và Hong Kong giảm 13,7% (**Bảng 2**).



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu	Tháng 8/2026		So với tháng 7/2026		So với tháng 8/2025		8 tháng năm 2026		So với 8 tháng năm 2025	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	6 tháng 2025	6 tháng 2026
Tổng	538.856	279.633	▲ 14,2	▲ 16,0	▼ 36,7	▼ 34,7	6.028.969	2.900.200	▼ 5,1	▼ 10,8
Philippines	110.739	54.607	▼ 25,1	▼ 20,7	▼ 76,7	▼ 76,2	2.645.132	1.186.040	▼ 9,0	▼ 16,8
Trung Quốc	48.896	21.522	▼ 21,4	▼ 25,6	▼ 28,5	▼ 39,0	1.026.535	504.715	▲ 81,7	▲ 76,0
Ghana	133.816	79.539	▲ 25,2	▲ 33,0	▲ 76,3	▲ 84,0	686.203	369.103	▲ 3,6	▼ 1,1
Bờ Biển Ngà	90.807	41.659	▲ 410,3	▲ 422,0	▼ 13,5	▼ 10,3	400.204	164.804	▼ 46,9	▼ 52,8
Malaysia	58.824	24.802	▲ 62,8	▲ 63,8	▲ 146,1	▲ 118,6	345.733	142.004	▲ 8,6	▼ 8,2
Singapore	13.635	7.299	▲ 18,5	▲ 16,0	▼ 6,7	▼ 11,3	99.838	52.163	▼ 7,5	▼ 17,0
Mozambique	1.439	825	▼ 52,7	▼ 52,1	▼ 88,4	▼ 86,4	54.204	27.165	▼ 18,8	▼ 27,5
Hong Kong	4.220	2.476	▼ 6,8	▼ 1,3	▼ 14,5	▼ 17,1	36.732	21.781	▼ 13,7	▼ 15,4
Australia	5.071	3.678	▲ 27,1	▲ 29,9	▲ 57,8	▲ 47,7	33.115	22.220	▲ 29,5	▲ 12,2
UAE	4.800	2.996	▼ 3,9	▼ 8,2	▼ 4,2	▼ 4,4	31.176	19.530	▼ 27,5	▼ 30,0
Ả Rập Xê út	3.331	2.474	▲ 59,4	▲ 71,5	▲ 42,4	▲ 60,0	30.465	19.202	▲ 30,6	▲ 20,9
Mỹ	2.881	2.282	▼ 3,2	▲ 1,8	▲ 91,7	▲ 79,1	26.088	19.722	▲ 7,0	▼ 9,4
Iraq	25	28	▲ 0,0	▲ 70,4			25.300	13.926	▲ 14.870	▲ 9.795
Đài Loan	943	492	▲ 109,6	▲ 103,5	▼ 27,1	▼ 39,7	13.163	6.965	▼ 10,3	▼ 18,0
Campuchia	1.483	791	▲ 23,6	▲ 15,0	▼ 55,4	▼ 62,3	11.979	6.299	▼ 60,4	▼ 67,0
Hà Lan	1.224	862	▲ 9,1	▼ 1,9	▼ 23,1	▼ 34,7	9.471	7.281	▼ 14,6	▼ 14,9
Ba Lan	475	373	▼ 82,8	▼ 79,3	▲ 29,1	▲ 22,6	8.421	6.068	▲ 0,4	▼ 7,1
Indonesia	200	125	▼ 84,0	▼ 80,3	▼ 94,3	▼ 92,9	6.666	3.029	▼ 73,8	▼ 73,5
Nam Phi	387	262	▼ 46,5	▼ 42,9	▼ 41,8	▼ 33,7	6.370	3.525	▲ 0,5	▼ 15,4
Nga	1.052	587	▲ 35,6	▲ 30,9	▲ 39,9	▲ 79,7	4.801	2.886	▲ 8,7	▲ 9,6
Pháp	541	400	▲ 34,6	▲ 51,3	▲ 2,9	▼ 7,4	3.640	2.578	▲ 26,8	▲ 12,4
Tanzania	540	381	▼ 50,0	▼ 50,0	▼ 58,5	▼ 56,3	2.858	1.900	▼ 37,2	▼ 36,6
Senegal	25	14	▼ 96,1	▼ 94,5	▼ 99,0	▼ 98,5	2.614	1.097	▼ 97,9	▼ 97,2
Thổ Nhĩ Kỳ	378	225	▲ 270,6	▲ 182,4	▲ 656,0	▲ 534,0	1.767	1.082	▼ 83,5	▼ 83,4
Ukraina		0			▼ 100,0	▼ 100,0	1.690	1.080	▲ 139,0	▲ 111,5
Tây Ban Nha	297	229	▲ 24,3	▲ 32,1	▲ 12,1	▲ 0,9	1.664	1.200	▼ 18,9	▼ 20,3
Angola	44	27	▼ 69,4	▼ 63,2	▼ 86,5	▼ 84,2	854	409	▼ 16,4	▼ 25,9
Chile	48	36	▼ 25,0	▼ 26,2			479	377	▼ 85,6	▼ 82,0
Bỉ	146	74	▲ 204,2	▲ 62,9			442	344	▲ 718,5	▲ 669,1
Bangladesh	17	32	▼ 90,8	▼ 74,4	▼ 78,8	▼ 44,9	410	303	▼ 99,6	▼ 99,4
Brunei	44	45					187	152	▲ 183,3	▲ 126,0
Khác	52.528	30.488	▼ 7,2	▼ 8,0	▲ 23,1	▲ 14,2	510.768	291.251	▲ 11,1	▲ 2,1



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

3 Diễn biến giá

Giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam trong tháng 8 đạt 519 USD/tấn, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lũy kế 8 tháng đầu năm, giá xuất khẩu bình quân gạo vẫn giảm 6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 481 USD/tấn (**Biểu đồ 4**).

Trên thị trường nội địa, giá lúa gạo quay đầu giảm sau 4 tháng tăng liên tiếp. Khảo sát cho thấy, trong tháng 8, giá lúa thơm tại ruộng giảm khoảng 7,8% (525 đồng/kg) so với tháng trước, xuống còn 6.232 đồng/kg; giá lúa thường tại ruộng điều chỉnh với biên độ nhẹ hơn, giảm 4,4% (282 đồng/kg, đạt 6.064 đồng/kg. Tương tự, các loại gạo xuất khẩu cũng giảm từ 3,6 – 3,7%, dao động ở mức 10.257 – 10.779 đồng/kg (**Bảng 3**). ■

Biểu đồ 4: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa tại An Giang tính đến cuối tháng 8/2026

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 31/8/2026	So sánh tăng/giảm					
		So với 1 tháng trước		So với cuối năm 2025		So với cùng kỳ năm 2025	
		đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg	%
Lúa thơm tại ruộng	6.232	▼ 7,8	▼ 525	▲ 9,5	▲ 539	▲ 13,2	▲ 728
Lúa thường tại ruộng	6.064	▼ 4,4	▼ 282	▲ 13,3	▲ 714	▲ 14,1	▲ 750
Lúa thường tại kho	7.550	▼ 4,5	▼ 358	▲ 15,9	▲ 1.033	▲ 17,8	▲ 1.142
Lứt loại 1	9.513	▼ 7,8	▼ 800	▲ 14,8	▲ 1.230	▲ 15,5	▲ 1.275
Xát trắng loại 1	10.615	▼ 8,4	▼ 970	▲ 12,4	▲ 1.175	▲ 8,6	▲ 845
5% tấm	10.779	▼ 3,7	▼ 414	▲ 18,5	▲ 1.686	▲ 14,7	▲ 1.379
15% tấm	10.586	▼ 3,6	▼ 393	▲ 19,6	▲ 1.736	▲ 15,9	▲ 1.450
25% tấm	10.257	▼ 3,7	▼ 393	▲ 21,1	▲ 1.786	▲ 17,3	▲ 1.514
Tấm 1/2	8.475	▲ 0,0	▲ 4	▲ 12,0	▲ 907	▲ 16,3	▲ 1.186
Cám xát/lau	7.429	▼ 5,8	▼ 457	▲ 13,4	▲ 879	▲ 18,5	▲ 1.158

Phần III: DỰ BÁO



Dù nguồn cung gạo toàn cầu vẫn tiềm ẩn rủi ro do tác động của El Niño, xuất khẩu gạo Việt Nam trong ngắn hạn được dự báo chịu áp lực khi nhu cầu từ hai thị trường chủ lực là Philippines và Trung Quốc có dấu hiệu chậm lại.

Với Trung Quốc, đây là thị trường vốn nhạy cảm về giá, nước này thường đẩy mạnh mua vào khi giá giảm và hạn chế nhập khẩu khi giá cao.

Còn tại Philippines, dẫn các nguồn tin trong ngành thương mại, Platts, một đơn vị thuộc S&P Global Energy, cho biết Philippines đã tạm dừng cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPSIC) đối với các lô hàng gạo nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam và Myanmar.

Một nguồn tin thương mại tại Philippines cho biết việc cấp giấy phép SPS đối với gạo từ Thái Lan, Việt Nam và Myanmar đang bị hạn chế khi nước này chuẩn bị bước vào mùa thu hoạch cao điểm trong tháng 10-11. Nguồn tin cho biết thêm rằng biện pháp này cũng nhằm hạ nhiệt giá gạo, trong bối cảnh gạo Thái Lan và Myanmar hiện được đánh giá là khá cao. Việc cấp SPSIC có thể được nối lại vào khoảng giữa tháng 11.

Quyết định trên được dự báo sẽ tác động ngay đến nhu cầu nhập khẩu gạo của Philippines từ ba nguồn cung này, đặc biệt là Thái Lan và Việt Nam, vốn đều là những nhà cung cấp quan trọng của thị trường Philippines.

Một nhà xuất khẩu tại Việt Nam cho biết giá gạo Việt Nam khó có khả năng tăng cho đến tháng 11. Trong bối cảnh việc cấp SPSIC có thể được nối lại vào khoảng giữa tháng 11, các doanh nghiệp trên thị trường sẽ theo dõi sát tiến độ thu hoạch lúa của Philippines, giá gạo trong nước, cũng như nguồn cung và khả năng cạnh tranh của các nguồn thay thế như Ấn Độ và Pakistan.

Thời điểm và quy mô Philippines quay trở lại thị trường quốc tế để mua gạo sẽ là yếu tố quan trọng, quyết định áp lực giảm giá đối với gạo Thái Lan và Việt Nam tiếp tục kéo dài hay đảo chiều vào cuối năm.

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo của Philippines trong niên vụ 2025-26 (tháng 7 đến tháng 6) được dự báo đạt 12,35 triệu tấn, giảm 0,2% so với năm trước.

Cuối tháng 7, Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines Francisco Tiu Laurel Jr. cho biết nhu cầu nhập khẩu gạo thực tế của Philippines trong năm dương lịch 2026 vẫn ở khoảng 3,6-3,8 triệu tấn. Lượng nhập khẩu có thể tăng lên khoảng 5-5,2 triệu tấn nếu nước này cần bổ sung lượng gạo dự trữ chiến lược. ■



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Nhìn chung, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực lúa gạo và giống cây trồng tiếp tục chịu sức ép từ giá lương thực giảm và nhu cầu thị trường yếu.



CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (Mã: TAR): Theo BCTC soát xét bán niên 2026, TAR lỗ ròng

24,2 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, tăng nhẹ so với mức lỗ 23,5 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu thuần ghi nhận 604 tỷ đồng, giảm 42%; lãi gộp 33 tỷ đồng, giảm 22%.

Đối chiếu với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua, công ty mới thực hiện được 17% chỉ tiêu doanh thu và đứng trước thách thức rất lớn để hoàn thành mục tiêu lợi nhuận sau thuế 12 tỷ đồng trong nửa cuối năm.

Về tài sản, tính đến cuối quý II/2026, tổng tài sản TAR đạt 2.379 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với đầu năm, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.836 tỷ đồng, chiếm 77,2%, chủ yếu từ khoản phải thu ngắn hạn (1.736 tỷ đồng). Hàng tồn kho ghi nhận 79 tỷ đồng, giảm 66%, chủ yếu do giảm nguyên liệu, vật liệu. Nợ phải trả đạt 1,235 tỷ đồng, chiếm 52% nguồn vốn, trong đó 99.9% là nợ ngắn hạn, chủ yếu đến từ nợ vay (1.145 tỷ đồng).

Bên cạnh kết quả kinh doanh thua lỗ, báo cáo bán niên của công ty tiếp tục nhận ý kiến ngoại

trừ từ đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Nguyên nhân là doanh nghiệp vẫn đang chờ kết quả xác minh từ cơ quan chức năng theo Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023. Nội dung xác minh tập trung vào chủ sở hữu của 6 triệu cổ phiếu trong đợt chào bán riêng lẻ năm 2021 và quá trình lập hồ sơ đăng ký chào bán.

Trước đó, tại báo cáo tài chính năm 2025, đơn vị kiểm toán cũng từng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc xác minh chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu. Trả lời về vấn đề này, ban lãnh đạo công ty cho biết đã gửi đơn đề nghị đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã phản hồi bằng văn bản khẳng định việc phát hành 25 triệu cổ phiếu năm 2021 thực hiện đúng quy định pháp luật. Số cổ phần này thuộc sở hữu của 6 cổ đông cá nhân, tuy nhiên có 6 triệu cổ phiếu lưu ký tại Công ty chứng khoán Funan đứng tên ông Phan Tuấn Kiệt và bà Hà Thị Thùy Dung bị chiếm quyền quản lý, sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra hiện vẫn tiếp tục xác minh và xử lý vụ việc.

Đại diện công ty khẳng định chủ sở hữu hợp pháp của lô cổ phiếu trên đã được làm rõ. Việc 6 triệu cổ phiếu của cá nhân bị chiếm quyền sử dụng là vấn đề giữa các cổ đông, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan điều tra và hoàn toàn không ảnh hưởng đến số liệu tài chính chung. Do đó, việc đơn vị kiểm toán tiếp tục duy trì ý kiến ngoại trừ với lý do vụ việc chưa được xử lý xong là điều mà ban lãnh đạo doanh nghiệp và các cổ đông không chấp nhận.



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

VINASEED® CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

(Vinaseed, Mã: NSC): Báo cáo tài chính soát xét bán niên riêng của công ty cho thấy lợi nhuận sau thuế của công ty tăng 10,17% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 70,57 tỷ đồng. Chủ yếu nhờ tăng doanh thu hoạt động tài chính tiền gửi, tiền cho vay và nhận cổ tức từ công ty con.

Báo cáo tài chính soát xét bán niên hợp nhất giảm 16,05%, xuống còn 84,9 tỷ đồng. Nguyên nhân do giá lương thực giảm sâu, ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư giống cho sản xuất của nông dân, làm sản lượng tiêu thụ giảm, kéo theo doanh thu và lợi nhuận giảm so với cùng kỳ.



CTCP Giống cây trồng miền Nam (Mã: SSC): Theo báo cáo tài chính bán niên sau soát xét, lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu

năm 2026 của SSC đạt hơn 509 triệu đồng, giảm 121,4 triệu đồng, tương ứng 19,24% so với mức hơn 631 triệu đồng được ghi nhận trên báo cáo tài chính quý II do doanh nghiệp tự lập.

Dù khoản điều chỉnh sau soát xét không quá lớn về giá trị tuyệt đối, con số này khiến lợi nhuận của SSC trở nên đáng chú ý hơn, bởi lợi nhuận trước đó vốn đã ở mức rất thấp.

Theo số liệu sau soát xét, 6 tháng đầu năm 2026, SSC ghi nhận doanh thu thuần 106,8 tỷ đồng, giảm 24,8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế chỉ còn hơn 509 triệu đồng, tương ứng mức giảm tới 96,2%.

Như vậy, nguyên nhân chính khiến lợi nhuận SSC sụt giảm mạnh không đến từ khoản điều chỉnh thuế sau soát xét mà nằm ở sự suy giảm của hoạt động kinh doanh. Chính doanh nghiệp cũng cho biết doanh thu giảm là nguyên nhân trực tiếp kéo lợi nhuận đi xuống.

Việc doanh thu giảm gần một phần tư trong khi lợi nhuận giảm trên 96% cho thấy biên lợi nhuận của doanh nghiệp chịu sức ép đáng kể. Với nền lợi nhuận chỉ hơn 500 triệu đồng sau nửa đầu năm, khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh cả năm sẽ là vấn đề được nhà đầu tư quan tâm, đặc biệt nếu hoạt động kinh doanh cốt lõi chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt trong nửa cuối năm.

Ở thời điểm ngày 30/6/2026, tổng tài sản của SSC đạt hơn 546 tỷ đồng, tăng khoảng 7% so với đầu năm. Vốn chủ sở hữu đạt gần 340 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khoảng 150,8 tỷ đồng.

Trong khi đó, nợ phải trả của doanh nghiệp ở mức hơn 206 tỷ đồng, tương đương 37,7% tổng nguồn vốn. Đáng chú ý, toàn bộ khoản nợ này là nợ ngắn hạn. ■



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Môi trường
Cục Hải quan Việt Nam
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters
Báo Thanh Niên
Vietstock

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 8/2026” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 5/2026
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý II/2026
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 7/2026

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Mục lục



Viết tắt,
giải nghĩa



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**